

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7 Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đường Hùng Cường	Chủ tịch
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Phan Hải Triều	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên
Ông Trần Đình Quang	Ủy viên

Ban giám đốc

Ông Lê Phi Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Phi Hùng
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 31 tháng 3 năm 2013





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3210/2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An

Kính gửi: **Cô đồng, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 31 tháng 03 năm 2013 từ trang 6 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng cộng nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 68.979.633.104 đồng. Điều này dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ và vay đến hạn để có thời gian thu xếp trả nợ. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của hạn chế về phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Nam Cường

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1950/KTV

11:00
ÔN
NHỊ H
4 TV
N IIA
10
M
11/21
11/21

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.004.446.321	51.689.790.045
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.915.073.005	1.372.984.139
1. Tiền	111		2.654.414.558	1.372.984.139
2. Các khoản tương đương tiền	112		260.658.447	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.003.702.864	30.018.489.804
1. Phải thu khách hàng	131		7.894.483.089	12.048.154.282
2. Trả trước cho người bán	132		5.511.530.561	6.427.021.625
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		7.750.032.727	-
4. Các khoản phải thu khác	135		13.847.656.487	11.543.313.897
III. Hàng tồn kho	140		60.894.960.586	10.490.715.650
1. Hàng tồn kho	141	V.2	60.894.960.586	10.490.715.650
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.190.709.866	9.807.600.452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.869.319	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		131.710.333	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	2.416.372
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	14.051.130.214	9.805.184.080
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		422.609.404.679	512.724.635.961
I. Tài sản cố định	220		19.093.784.579	506.616.462.430
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	2.056.681.467	3.170.076.564
- Nguyên giá	222		5.233.015.058	5.233.015.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.176.333.591)	(2.062.938.494)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	17.037.103.112	503.446.385.866
II. Bất động sản đầu tư	240	V.6	400.000.000.000	-
- Nguyên giá	241		408.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8.000.000.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.515.620.100	6.108.173.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.515.620.100	6.108.173.531
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		535.613.851.000	564.414.426.006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		440.522.227.982	406.771.268.381
I. Nợ ngắn hạn	310		181.984.079.425	144.778.119.824
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	10.000.000.000	15.421.896.769
2. Phải trả người bán	312		26.365.331.139	61.614.550.796
3. Người mua trả tiền trước	313		48.894.808.957	14.278.910.621
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	4.494.317.815	2.413.030.883
5. Phải trả người lao động	315		2.387.889.893	2.012.368.619
6. Chi phí phải trả	316	V.9	88.376.508.176	48.035.209.534
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.10	825.813.195	353.002.352
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		639.410.250	649.150.250
II. Nợ dài hạn	330		258.538.148.557	261.993.148.557
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	258.538.148.557	261.993.148.557
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.091.623.018	157.643.157.625
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	95.091.623.018	157.643.157.625
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		861.600.000	861.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.140.309.292	1.140.309.292
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		994.042.926	994.042.926
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(57.904.329.200)	4.647.205.407
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		535.613.851.000	564.414.426.006



Lê Phi Hùng
 Tổng Giám đốc
 Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Hoa
 Người lập

Nguyễn Văn Phóng
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.023.994.951	91.932.413.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.023.994.951	91.932.413.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	100.146.156.484	81.744.501.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.877.838.467	10.187.911.990
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	552.948.052	3.854.529.647
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	50.011.663.158	262.168.188
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.011.663.158	262.168.188
8. Chi phí bán hàng	24		3.572.201.393	1.706.632.233
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.128.406.455	5.588.485.158
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(52.281.484.487)	6.485.156.058
11. Thu nhập khác	31		112.255.000	854.302.897
12. Chi phí khác	32	VI.5	10.382.844.120	996.141.777
13. Lợi nhuận khác	40		(10.270.589.120)	(141.838.880)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(62.552.073.607)	6.343.317.178
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	1.585.829.295
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(62.552.073.607)	4.757.487.883
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(4.170)	319



Lê Phi Hùng
 Tổng Giám đốc
 Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Hoa
 Người lập

Nguyễn Văn Phóng
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(62.552.073.607)	6.343.317.178
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	9.113.395.097	1.219.900.438
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(552.948.052)	(3.632.604.456)
- Chi phí lãi vay	06	50.011.663.158	262.168.188
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(3.979.963.404)	4.192.781.348
- Tăng/(Giảm) các khoản phải thu	09	(4.985.213.060)	26.926.161.066
- Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10	(50.404.244.936)	5.791.288.539
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	81.986.459.124	(1.833.006.843)
- Tăng chi phí trả trước	12	(1.790.555.983)	(7.674.655.112)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.584.000.000)	(262.168.188)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.376.983.158)	(1.949.184.574)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	539.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(121.782.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.866.037.583	25.069.434.114
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(74.535.241.661)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	800.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(122.331.544.444)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	126.430.100.352
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	552.948.052	3.854.529.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	552.948.052	(65.782.156.106)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	36.846.300.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	45.250.740.247
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.876.896.769)	(62.627.337.347)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.215.364.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.876.896.769)	14.254.338.650
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.542.088.866	(26.458.383.342)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.372.984.139	27.831.367.481
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.915.073.005	1.372.984.139



Lê Phi Hùng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Hoa
Người lập

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001785 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 25 tháng 02 năm 2008, và các lần thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 05 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần với cơ cấu vốn góp như sau:

Đối tượng	Cổ phần	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền đã góp đến 30/06/2012
Công ty CP Tổng Công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	8.200.000	54,67%	82.000.000.000
Công ty CP Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam	1.790.100	11,93%	17.901.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán dầu khí	520.000	3,47%	5.200.000.000
Các cổ đông khác	4.489.900	29,93%	44.899.000.000
Cộng	15.000.000	100%	150.000.000.000

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân phối vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn thiết kế khảo sát địa hình công trình dân dụng, công nghiệp; Đo đạc, vẽ bản đồ địa chính, địa hình.
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết : Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình;
- Khai khoáng khác chưa được phân bổ vào đâu. Chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, kinh doanh các trung tâm thương mại, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chung cư. Đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý các dự án thủy điện, xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết : Tư vấn giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Đầu tư tài chính;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết : Vận tải khách du lịch, theo hợp đồng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy quan trắc, đo đạc, máy móc, thiết bị chuyên ngành xây dựng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 68.979.633.104 đồng dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn và lãi vay để có thời gian thu xếp trả nợ. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	04 - 07
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 04

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Dầu Khí Nghệ An tại số 7, Đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.386.658.207	336.337.873
Tiền gửi ngân hàng	1.267.756.351	1.036.646.266
Tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng	260.658.447	-
Cộng	2.915.073.005	1.372.984.139

2. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	513.629.251	491.478.400
Công cụ, dụng cụ	44.798.816	3.454.545
Chi phí SXKD dở dang	15.630.323.071	9.995.782.705
Hàng hóa	44.706.209.448	-
Cộng	60.894.960.586	10.490.715.650

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	14.014.313.547	9.768.367.413
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.816.667	36.816.667
Cộng	14.051.130.214	9.805.184.080

011
 CÔNG
 TỊCH NHIỆM
 ỀM
 VĂN
 QUÔ
 3 M

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7 Quang Trung,

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	258.816.852	2.509.073.654	1.921.055.174	516.624.934	27.444.444	5.233.015.058
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2012	258.816.852	2.509.073.654	1.921.055.174	516.624.934	27.444.444	5.233.015.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2012	67.031.912	799.423.994	981.844.941	203.082.095	11.555.552	2.062.938.494
Tăng trong năm	54.831.423	584.906.652	324.866.261	132.901.869	15.888.892	1.113.395.097
Tại 31/12/2012	121.863.335	1.384.330.646	1.306.711.202	335.983.964	27.444.444	3.176.333.591
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	191.784.940	1.709.649.660	939.210.233	313.542.839	15.888.892	3.170.076.564
Tại 31/12/2012	136.953.517	1.124.743.008	614.343.972	180.640.970	-	2.056.681.467

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 129.275.613 đồng.

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Tổng số chi phí XDCB dở dang	14.862.935.988	501.540.973.742
Trong đó:		
- Dự án tòa nhà Dầu khí Nghệ An	-	468.878.491.187
- Dự án Tổ hợp Dịch vụ Nghi Phú	13.820.384.050	30.929.016.812
- Dự án kinh doanh các sản phẩm dầu khí	406.603.000	1.097.516.805
- Dự án Resort Cửa Lò	87.240.000	87.240.000
- Dự án khu đô thị Vinh Tân	548.708.938	548.708.938
2. Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.174.167.124	1.905.412.124
Cộng	17.037.103.112	503.446.385.866

6. Bất động sản đầu tư

Là giá trị tòa nhà tại số 7 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với mục đích là cho thuê. Giá trị tài sản này được trích khấu hao trong 25 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7 Quang Trung,

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay cá nhân	-	421.896.769
Cộng	-	421.896.769
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	15.000.000.000
Cộng vay và nợ ngắn hạn	10.000.000.000	15.421.896.769

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.820.111.357	183.248.753
Thuế thu nhập doanh nghiệp	852.798.972	2.229.782.130
Thuế thu nhập cá nhân	140.181.052	-
Lệ phí xây dựng	378.868.551	-
Các khoản thuế bị truy thu	302.357.883	-
Cộng	4.494.317.815	2.413.030.883

9. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An	14.838.558.611	14.000.000.000
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí VN - chi nhánh Thanh Hóa	73.409.607.565	33.906.867.534
Trích trước chi phí công trình	128.342.000	128.342.000
Cộng	88.376.508.176	48.035.209.534

10. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	246.772.795	144.979.906
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	444.198.039	53.603.848
Các khoản phải trả, phải nộp khác	134.842.361	154.418.598
Cộng	825.813.195	353.002.352



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An (a)	63.000.000.000	65.430.000.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa (b)	195.538.148.557	196.563.148.557
Cộng	258.538.148.557	261.993.148.557

(a) Số dư vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản vay theo phụ lục hợp đồng số 01/2011/PLHD ngày 12/05/2011 của Hợp đồng vay dài hạn số 01/2009/HĐTD-TNDK ngày 31/03/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với hạn mức là 91.535.006.370 đồng. Thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi và phí (nếu có). Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 06 năm 2011. Lãi suất kỳ đầu tiên bằng 10%/năm và thay đổi theo qui định của Ngân hàng. Công ty sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An để đảm bảo cho khoản vay này.

(b) Số dư vay của Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản vay theo 2 Hợp đồng vay dài hạn của Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa cụ thể như sau :

Hợp đồng vay dài hạn số 007/HĐTD/PVFCTH09 ngày 31/03/2010 với số tiền 210.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng loại trả sau của PVFC + 0,3%/tháng và thay đổi theo qui định của PVFC-CN Thanh Hóa. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc là 84 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời gian ân hạn (thời gian ân hạn nợ gốc tối đa là 24 tháng). Kỳ trả nợ được tính là 03 tháng/lần và toàn bộ nợ gốc được trả trong 28 kỳ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên kết thúc vào một ngày trong khoảng từ ngày 26 đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý gần nhất kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thực hiện dự án tại số 07 Quang Trung, TP Nghệ An, tỉnh Nghệ An để bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả nợ cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 006/2009/HĐTD-PVFCTH09 ngày 19/03/2009 với hạn mức 4.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, để phục vụ đầu tư xây dựng dự án. Lãi suất cơ cấu tại thời gian trả nợ bằng lãi suất cho vay trong hạn cộng thêm 0,05%/tháng trên số dư nợ thực tế được cơ cấu lại và thời gian cơ cấu lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	150.000.000.000	861.600.000	1.140.309.292	994.042.926	4.647.205.407	157.643.157.625
Vốn góp trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(62.552.073.607)	(62.552.073.607)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	539.000	539.000
Số dư tại 31/12/2012	150.000.000.000	861.600.000	1.140.309.292	994.042.926	(57.904.329.200)	95.091.623.018

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần TCT Xây lắp Dầu khí Nghệ An	82.000.000.000	82.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn dầu khí VN	17.911.000.000	17.911.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán dầu khí	5.200.000.000	5.200.000.000
Đối tượng khác	44.889.000.000	44.889.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Cổ phần

	31/12/2012 Cổ phần	01/01/2012 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phần phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
- Cổ phần phổ thông	-	-
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phần phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận quản lý bán hàng, Bộ phận quản lý hoạt động liên kết, và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bất động sản : bán căn hộ ở chung cư cao tầng và nhà ở liền kề . . .

Bộ phận xây dựng : xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp . . .

Bộ phận quản lý khác : các hoạt động còn lại: cung cấp dịch vụ cho tòa nhà . .

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012)

	Hoạt động bất động sản	Hoạt động xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	474.793.374.732	49.197.989.672	5.191.793.491	-	529.183.157.895
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	6.430.693.105
Tổng tài sản hợp nhất	474.793.374.732	49.197.989.672	5.191.793.491	-	535.613.851.000
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	396.820.409.369	37.207.619.990	5.854.788.373	-	439.882.817.732
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	639.410.250
Tổng nợ phải trả hợp nhất	396.820.409.369	37.207.619.990	5.854.788.373	-	440.522.227.982

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2012)

	Hoạt động bất động sản	Hoạt động xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	86.101.478.169	14.786.675.413	5.135.841.369	-	106.023.994.951
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	86.101.478.169	14.786.675.413	5.135.841.369	-	106.023.994.951
Khấu hao và chi phí phân bổ	97.397.262.959	17.498.461.274	2.723.532.864	-	117.619.257.097
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	(11.295.784.790)	(2.711.785.861)	2.412.308.505	-	(11.595.262.146)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(11.295.784.790)	(2.711.785.861)	2.412.308.505	-	(11.595.262.146)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	552.948.052
Lỗ khác	-	-	-	-	(498.096.355)
Chi phí tài chính	-	-	-	-	50.011.663.158
Lỗ trước thuế	-	-	-	-	(61.552.073.607)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-
Lỗ ròng năm	-	-	-	-	(61.552.073.607)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bảng cân đối kết toán (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012)

	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	520.239.553.969	28.996.618.638	7.697.095.729	-	556.933.268.336
Tài sản không phân bổ				-	7.481.157.670
Tổng tài sản hợp nhất	520.239.553.969	28.996.618.638	7.697.095.729	-	564.414.426.006
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	389.654.932.179	14.845.191.751	1.621.994.201	-	406.122.118.131
Nợ phải trả không phân bổ				-	649.150.250
Tổng nợ phải trả hợp nhất	389.654.932.179	14.845.191.751	1.621.994.201	-	406.771.268.381

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01 tháng 01 năm 2011 đến 31 tháng 12 năm 2011)

	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	67.952.435.580	23.701.194.166	278.783.513	-	91.932.413.259
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	67.952.435.580	23.701.194.166	278.783.513	-	91.932.413.259
Khấu hao và chi phí phân bổ	64.075.455.439	24.942.040.899	22.122.322	-	89.039.618.660
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.876.980.141	(1.240.846.733)	256.661.191	-	2.892.794.599
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.876.980.141	(1.240.846.733)	256.661.191	-	2.892.794.599
Doanh thu từ các khoản đầu tư					3.854.529.647
Lỗ khác					(141.838.880)
Chi phí tài chính					262.168.188
Lợi nhuận trước thuế					6.343.317.178
Chi phí thuế TNDN					1.585.829.295
Lợi nhuận trong năm					4.757.487.883

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại tầng 23, 24, tòa nhà dầu khí Nghệ An, số 7 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	14.786.675.413	23.701.194.166
- Doanh thu bán bất động sản	86.101.478.169	67.952.435.580
- Doanh thu khác	5.135.841.369	278.783.513
Cộng	106.023.994.951	91.932.413.259

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	14.782.638.142	23.061.278.852
Giá vốn bán bất động sản	81.583.269.645	58.683.222.417
Giá vốn hoạt động khác	3.780.248.697	-
Cộng	100.146.156.484	81.744.501.269

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	552.948.052	3.854.529.647
Cộng	552.948.052	3.854.529.647

4. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	50.011.663.158	262.168.188
Cộng	50.011.663.158	262.168.188

Năm 2012, số dư vay ngân hàng không thay đổi nhiều, tuy nhiên công trình tòa nhà dầu khí tại số 7 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An do công ty là chủ đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng nên chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2012, công ty không thực hiện vốn hóa vào công trình mà ghi nhận là chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Khấu hao bất động sản đầu tư do chưa thực hiện cho thuê	6.000.000.000	-
Chi phí khác	4.382.844.120	996.141.777
Cộng	10.382.844.120	996.141.777

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	(62.552.073.607)	6.343.317.178
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	6.252.344.445	-
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.252.344.445	-
Thu nhập chịu thuế	(56.299.729.162)	6.343.317.178
Thuế suất thông thường	25%	25%
CP thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.585.829.295

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(62.552.073.607)	4.757.487.883
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần	(62.552.073.607)	4.757.487.883
Số bình quân gia quyền cổ phần phổ thông	15.000.000	14.914.605
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(4.170)	319

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.205.048.386	16.197.573.965
Chi phí nhân công	7.797.971.797	7.746.058.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.618.196.972	479.657.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.246.471.638	9.957.356.141
Chi phí khác	16.412.354.225	12.170.101.949
Cộng	54.280.043.018	46.550.747.778

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông- thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.915.073.005	1.372.984.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.492.172.303	23.591.468.179
Tổng cộng	32.407.245.308	24.964.452.318
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	268.538.148.557	277.415.045.326
Phải trả người bán và phải trả khác	27.191.144.334	61.967.553.148
Chi phí phải trả	88.376.508.176	48.035.209.534
Tổng cộng	384.105.801.067	387.417.808.008

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	27.191.144.334	-	27.191.144.334
Chi phí phải trả	88.376.508.176	-	88.376.508.176
Các khoản vay	10.000.000.000	258.538.148.557	268.538.148.557
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	61.967.553.148	-	61.967.553.148
Chi phí phải trả	48.035.209.534	-	48.035.209.534
Các khoản vay	15.421.896.769	261.993.148.557	277.415.045.326

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.915.073.005	-	2.915.073.005
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.742.139.576	-	21.742.139.576
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.372.984.139	-	1.372.984.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.591.468.179	-	23.591.468.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ ANTầng 23-24 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7 Quang Trung,
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu		
Công ty CP Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	53.894.295.642	332.916.760
Tổng Công ty dầu Việt Nam		1.269.066.024
Ban điều hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng		13.571.764.765
Tổng công ty cổ phần tài chính dầu khí (PVFC)		260.468.965
Tổng công ty khí Việt Nam (PV Gas)	5.072.012.727	-

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải thu	3.777.095.806	8.126.382.917
Công ty CP Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	242.304.551	4.071.783.308
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	810.495.359	810.495.359
Công ty CP thi công cơ giới & lắp máy Dầu khí	280.384.864	280.384.864
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	2.443.911.032	2.443.911.032
Tổng công ty CP Dầu Việt Nam (PV OIL)	-	62.241.460
Công ty CP xây lắp Dầu khí 1	-	231.931.572
Ban điều hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng	-	225.635.322
Các khoản phải trả	40.688.594.292	53.433.355.166
Công ty CP Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An	6.886.509.200	46.842.569.406
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	5.046.504.168	2.652.796.776
Tổng Công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	2.227.869.939	2.017.902.691
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	70.219.500	70.219.500
Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí VN	40.016.000	118.804.000
Cty CP ĐTXL Dầu khí IMICO	1.181.427.793	1.181.427.793
Công ty CP Xi măng Dầu Khí 12/9	584.215.007	549.635.000
Ban điều hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng	4.651.832.685	-
Tổng công ty khí Việt Nam	20.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN

Tầng 23-24 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7 Quang Trung,

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.



Lê Phi Hùng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Ngọc Hoa
Người lập

Nguyễn Văn Phóng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

